TỔNG CÔNG TY LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM

BAN PHÁP CHẾ & QUẢN TRỊ RỦI RO

BẢN TIN PHÁP LÝ CHUYÊN ĐỀ

"CHÀO MỪNG NGÀY PHÁP LUẬT VIỆT NAM 09/11"



Quảng Ngãi, tháng 11 năm 2026

"CBCNV TỔNG CÔNG TY LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM SỐNG VÀ LÀM VIỆC THEO HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT"

9/11 – NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM





9/11 – NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Theo quy định tại Điều 8 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 và Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16 (hiệu lực từ 01/3/2027) :

"Ngày 9/11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội".

Ý nghĩa của Ngày pháp luật Việt Nam

1. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật: Ngày Pháp luật được tổ chức hằng năm nhằm tôn vinh Hiến pháp và pháp luật, đề cao giá trị của Hiến pháp và pháp luật trong nhà nước pháp quyền, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội

2. Xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ ứng xử phù hợp với quy định của Hiến pháp và pháp luật: Pháp luật của nước ta đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch, ghi nhận, bảo vệ, bảo đảm quyền – lợi ích cho mỗi cá nhân và sự hài hòa các loại lợi ích trong xã hội.

3. Đề cao giá trị con người, xây dựng nhân cách tạo nên sự bền vững của ý thức pháp luật, của kỷ cương, phép nước: Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm đề cao giá trị con người, xây dựng nhân cách; đề cao ý thức làm chủ, tôn trọng kỷ luật, tự do trong khuôn khổ pháp luật; coi trọng các giá trị đạo đức tốt đẹp; ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước, xây dựng lối sống, nếp sống văn hoá; bồi dưỡng ý thức và năng lực phát huy giá trị văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại là những điều kiện quan trọng góp phần hình thành con người về mặt tâm hồn, nhân cách, để mỗi con người tự ý thức về mình, về cộng đồng, về dân tộc, về đất nước

4. Hướng tới xây dựng nền văn hóa pháp lý: Văn hóa pháp luật rất hiện hữu, được thể hiện hàng ngày ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà nước, cá nhân và xã hội, trong nội dung, thực hành, áp dụng Hiến pháp, pháp luật, trong tất cả những vấn đề liên quan đến con người, quyền, tự do, trách nhiệm của con người. Để hình thành nền văn hóa pháp luật, cần phải xây dựng lối sống tôn trọng pháp luật.

HIẾN PHÁP 1946 – MỐC SON LỊCH SỬ VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI

Ngày 09/11/1946, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chính thức thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử lập hiến và nền dân chủ Việt Nam. Đây không chỉ là một văn bản pháp lý tối cao mà là lời tuyên ngôn đanh thép trước thế giới về nền độc lập, chủ quyền, quyền tự quyết của một dân tộc.

Sự ra đời của Hiến pháp năm 1946 mang những ý nghĩa lịch sử và thời đại sâu sắc:

- Khẳng định nước Việt Nam là một khối thống nhất toàn vẹn, độc lập.

- Ghi nhận quyền lực tối cao thuộc về Nhân dân *"Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo."*.

- Là biểu tượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sau Hiến pháp năm 1946, nước ta đã có Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp 2013 nhưng tư tưởng lập hiến, những giá trị dân chủ, quyền con người, quyền công dân, tư tưởng và mô hình tổ chức nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1946 luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tất cả các bản Hiến pháp và toàn bộ hệ thống pháp luật của nước ta - bản Hiến pháp mang tinh thần, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa *"của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân"*.

9/11/1946 - 9/11/2026

Kỷ niệm 80 năm ngày Quốc hội Việt Nam thông qua bản Hiến pháp đầu tiên là sự kiện chính trị quan trọng nhằm khẳng định giá trị lịch sử của Hiến pháp năm 1946, nền tảng dân chủ và pháp quyền đầu tiên của Nhà nước ta, tri ân công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thế hệ đại biểu Quốc hội trong lịch sử lập hiến, lập pháp suốt 80 năm qua. Đây cũng là dịp nhìn lại những thành tựu lập hiến, lập pháp của đất nước ta, làm nổi bật bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam *"của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân"* dưới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong toàn xã hội

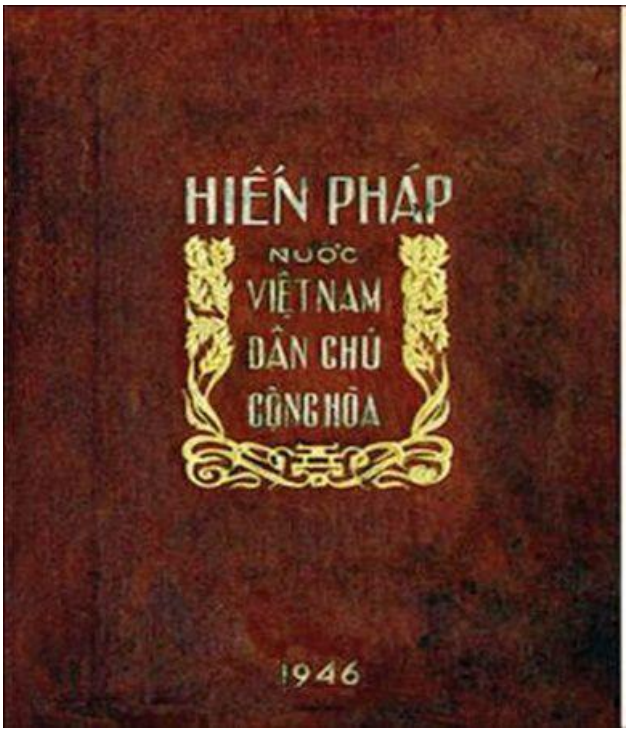

MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT TÁC ĐỘNG BSR



LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT SỐ 12/2026/QH16

- **Ngày ban hành:** 11/03/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 11/03/2026

1.Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật này quy định về quyền, nghĩa vụ, nội dung, hình thức, trách nhiệm quản lý nhà nước, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, điều kiện bảo đảm phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách.

2.Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách (Điều 2)

1. Công dân có quyền tiếp cận pháp luật; thụ hưởng, tham gia các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách; được hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật.

2. Công dân có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; có trách nhiệm chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

3. Nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách (Điều 5)

1. Kịp thời, thường xuyên, liên tục, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, công khai và minh bạch.

2. Nội dung, hình thức phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, văn hóa, ngôn ngữ và địa bàn cư trú; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; đa dạng và kết hợp hài hòa giữa hình thức truyền thống và hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

3. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hoạt động khác trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

4. Bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Ngoài quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, hoạt động truyền thông chính sách còn phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, nhiệm vụ chính trị, mục tiêu và yêu cầu của chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là dự thảo văn bản); bảo đảm tương tác đa chiều, phản hồi, tiếp thu và giải trình ý kiến, kiến nghị;

b) Khách quan, thiết thực, vì lợi ích chung, không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động xây dựng, hoàn thiện chính sách, dự thảo văn bản, chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, trật tự, an toàn xã hội.

4. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 8)

1. Ngày 09 tháng 11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trong xã hội.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

5. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 9)



1. Cung cấp, trích dẫn, chỉnh sửa, sử dụng, truyền đạt nội dung pháp luật, nội dung chính sách nhằm làm sai ý nghĩa, nội dung pháp luật, nội dung chính sách; cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2. Sử dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo hoặc các phương tiện khác để tạo lập, phát tán thông tin, tài liệu giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung pháp luật, nội dung chính sách.

3. Lợi dụng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; ảnh hưởng chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; ảnh hưởng kinh tế, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Cản trở tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu pháp luật; cản trở việc thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Lợi dụng hoạt động xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách ưu tiên, khuyến khích, hỗ trợ của Nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

6. Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật (Điều 11)

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức sau đây:

1. Cổng Pháp luật quốc gia; cổng, trang thông tin điện tử; báo chí, phương tiện thông tin đại chúng;

2. Nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo;

3. Hướng dẫn, giải đáp pháp luật;

4. Thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật;

5. Thông qua trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải, trọng tài thương mại, dịch vụ có liên quan đến pháp lý, đối thoại, thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật; lồng ghép vào các hoạt động và sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và hoạt động khác tại cơ sở;

6. Tổ chức diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp báo, thi tìm hiểu pháp luật; tủ sách pháp luật, tài liệu pháp luật;

7. Thông qua hoạt động giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

8. Hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Mục đích, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật (Điều 19)

1. Giáo dục pháp luật nhằm trang bị kiến thức pháp luật, nâng cao kỹ năng sử dụng pháp luật và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật cho người học.

2. Giáo dục pháp luật được thực hiện thông qua chương trình giáo dục chính khóa và giáo dục ngoại khóa.

3. Nội dung giáo dục pháp luật chính khóa phải phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo; được lồng ghép trong chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; thiết kế thành môn học,



học phần riêng hoặc tích hợp phù hợp trong các môn học, học phần khác tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Nội dung giáo dục pháp luật ngoại khóa được lồng ghép thông qua các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ chính khóa của cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Người học tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị kiến thức pháp luật phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

8. Trách nhiệm của người sử dụng lao động (Điều 30)

1. Chủ động, phối hợp với tổ chức công đoàn, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động thuộc phạm vi quản lý về quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động trong quan hệ lao động.

2. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế. Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại: _P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luật Phổ biến, Giáo dục Pháp luật.



"CBCNV TỔNG CÔNG TY LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM SỐNG VÀ LÀM VIỆC THEO HIẾN PHÁP VÀ PHÁP LUẬT"

NGHỊ QUYẾT 19-NQ/TW NĂM 2026 VỀ HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIV VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

- **Ngày ban hành:** 28/07/2026
- **Ngày có hiệu lực**: 28/07/2026

Để hiện thực hoá khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045; xác lập nền tảng cho tầm nhìn 100 năm phát triển tiếp theo của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng (2030 - 2130), Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết với 05 quan điểm chỉ đạo quan trọng:

1. Đổi mới mô hình phát triển gắn với xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái phát triển là nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa lịch sử để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước; khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường vai trò giám sát, phản biện và tạo sự đồng thuận xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đổi mới mô hình phát triển trước hết là tạo đột phá về thể chế, đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia tạo ra năng lực phát triển mới; chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập; lấy con người làm chủ thể trung tâm, mục tiêu, động lực và phát triển; nâng cao sức mạnh tổng hợp, tiềm lực quốc gia, chất lượng đời sống và hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu xuyên suốt; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo quốc gia là động lực chính; lấy nâng cao năng suất lao động, hiệu quả huy động, phân bổ nguồn lực quốc gia là những nguyên tắc trung tâm; lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển, bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, bền vững, bao trùm; gắn chặt xây dựng với bảo vệ Tổ quốc; kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh đối ngoại trong tất cả các khâu từ hoạch định chiến lược đến quy hoạch và phân bổ nguồn lực; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại đồng hành và thúc đẩy phát triển.



3. Đổi mới mô hình phát triển được vận hành đồng bộ theo cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ"; dựa trên nền quản trị quốc gia hiện đại và mối quan hệ hài hoà, hiệu quả giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; tổ chức phát triển trong không gian tích hợp, đa tầng, liên thông, tạo liên kết và lan toả. Xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện là then chốt; phát triển văn hoá và con người là nền tảng, là nguồn lực và động lực nội sinh, sức mạnh mềm quốc gia; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

4. Đổi mới mô hình phát triển với tầm nhìn dài hạn và khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh, dân chủ, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển. Mô hình phát triển mới khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, truyền thống, bản sắc, niềm tin và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy ý chí, sức sáng tạo và khát vọng cống hiến của con người Việt Nam; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển, trong đó, nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, đột phá; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, sức chống chịu, khả năng thích ứng, tự phục hồi và quản trị rủi ro; không ngừng bồi đắp năng lực quốc gia, bảo đảm đất nước phát triển nhanh, bền vững và trường tồn.

5. Đổi mới mô hình phát triển được thực hiện đồng bộ, toàn diện và phù hợp với từng giai đoạn; bảo đảm gắn kết hữu cơ các trụ cột phát triển thành một thể thống nhất. Lấy đổi mới thể chế và quản trị quốc gia là khâu đột phá; chuyển từ tư duy quản lý, kiểm soát sang kiến tạo, dẫn dắt phát triển; quản trị theo mục tiêu, không gian phát triển, phối hợp liên thông, dựa trên dữ liệu, phản ứng chính sách và đo lường bằng kết quả, tác động phát triển; lấy hiệu quả điều phối, chất lượng phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và năng lực giải quyết vấn đề làm thước đo.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\ Nghị quyết trung ương*

QUYẾT ĐỊNH 1308/QĐ-TTG NĂM 2026 PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

- **Ngày ban hành:** 18/07/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 18/07/2026

Ngày 18/07/2026, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung sau đây:

1. Dữ liệu là tài nguyên chiến lược, là tài sản quốc gia, tư liệu sản xuất mới của nền kinh tế và nguồn lực phát triển mới của đất nước; là nền tảng của quản trị quốc gia hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số, gắn chặt với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

2. Phát triển dữ liệu quốc gia là chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; phát huy vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương, phân công rõ trách nhiệm, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu.

3. Phát triển, quản trị và khai thác hiệu quả dữ liệu phải gắn với phát triển trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, làm cơ sở hình thành các động lực tăng trưởng mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và tăng trưởng kinh tế hai con số.

4. Phát triển dữ liệu quốc gia phải gắn với việc phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng quốc gia, nhất là hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng trí tuệ nhân tạo và hạ tầng năng lượng là nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Ưu tiên xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia tập trung, an toàn, bảo mật, trong đó Trung tâm dữ liệu quốc gia là hạ tầng lõi bảo đảm cho xây dựng, hoạt động và điều phối của hệ sinh thái dữ liệu quốc gia; phát triển các nền tảng số dùng chung nhằm bảo đảm dữ liệu được thu thập, kết nối, khai thác và sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

5. Phát triển dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) là động lực chiến lược trong kỷ nguyên số; xây dựng AI có chủ quyền trên nền tảng dữ liệu quốc gia chất lượng cao, hạ tầng tính toán do Việt Nam làm chủ, năng lực làm chủ mô hình AI và hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, bảo đảm tự chủ công nghệ, an toàn, an ninh dữ liệu và chủ quyền số quốc gia.

6. Phát triển dữ liệu theo hướng hiện đại, mở, liên thông, dùng chung và bền vững; phát triển thị trường dữ liệu trở thành động lực thúc đẩy tạo lập, chia sẻ, lưu thông, khai thác và phát huy giá trị dữ liệu trong toàn bộ chuỗi giá trị dữ liệu; phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, hệ sinh thái doanh nghiệp dữ liệu, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực, chủ động hội nhập quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.



7. Phát triển dữ liệu phải đi liền với bảo đảm chủ quyền số, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu khai thác hiệu quả dữ liệu với yêu cầu bảo vệ dữ liệu chủ động, từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

8. Phát triển nguồn nhân lực, làm chủ công nghệ xử lý và khai thác dữ liệu là các yếu tố quyết định để triển khai thành công Chiến lược. Ưu tiên phát triển đội ngũ các nhà khoa học và các chuyên gia trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu và tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển bền vững và toàn diện của quốc gia trong kỷ nguyên số.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại: _P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Quyet dinh.